TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 143/2019/QĐST-HNGĐ	*Bắc Quang, ngày 11 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 202/2019/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn Nh; sinh năm 1979; dân tộc: Kinh;

- *Bị đơn:* Chị Bế Thị H; sinh năm 1985; dân tộc: Tày;

Cùng trú tại: số nhà x, đường L, tổ Y, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Văn Nh và chị Bế Thị H .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Nh và chị Bế Thị H tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Lan H, sinh ngày 12/5/2008 và cháu Phạm Trà M, sinh ngày 20/11/2011. Khi ly hôn anh Phạm Văn Nh là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Trà M cho đến khi con đủ 18 tuổi; chị Bế Thị H là người trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Lan H cho đến khi con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này anh Nh, chị H có quyền thay đổi về cấp dưỡng nuôi con và người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Về án phí: Anh Phạm Văn Nh tự nguyện chịu toàn bộ 150.000[đ] *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000[đ] *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số: 0000862 ngày 09 tháng 8 năm 2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Giang. Trả lại cho anh Nh số tiền 150.000[đ] *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí chênh lệch. Chị Bế Thị H không phải chịu án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND H. Bắc Quang (02 bản);
- UBND xã H, Huyện Q;
- Chi cục THADS Huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Hải Hà